

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 319/2019/DS-PT
Ngày 27 - 9 - 2019
V/v Tranh chấp ranh giới quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Ông Nguyễn Văn Vững

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số /2019/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 337/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị N, sinh năm 1949.

Địa chỉ: khóm 1, thị trấn T huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Bà Cao Thị T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: khóm 1, thị trấn T, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Lâm Văn K, sinh năm 1934.

Người đại diện hợp pháp: Anh Lâm Hoàng T, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: khóm 1, thị trấn T, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Huỳnh Thanh T, sinh năm 1984;

2. Huỳnh Thị C, sinh năm 1985;

Địa chỉ: khóm 1, thị trấn T, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

3. Huỳnh Thuý H, sinh năm 1937;

4. Lâm Hoàng T, sinh năm 1975;

5. Hà Thị H, sinh năm 1974;

Người đại diện hợp pháp của bà H, bà H là anh Lâm Hoàng T.

Cùng địa chỉ: khóm 1, thị trấn T, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

6. Huỳnh Thị U, sinh năm 1926;

7. Cao Thị T, sinh năm 1964;

8. Nguyễn Cao Kỳ G, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: khóm 1, thị trấn Tr, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Lâm Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Cao Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị T, Nguyễn Cao Kỳ Gi do bà Cao Thị T đại diện trình bày:*

Bà Cao Thị N có diện tích đất giáp ranh tranh chấp với ông Lâm Văn K thì nguồn gốc đất là của cha mẹ là ông Cao Văn H (chết năm 2001), bà Huỳnh Thị U hiện đang sống chung với bà N khai phá vào năm 1961 và được chính quyền chế độ cũ công nhận. Đất có vị trí là từ kênh Đồng Tiến (nay là đường Nguyễn Chí Thanh) ra phía sau hậu (nay là tỉnh lộ 844 đường Trần Hưng Đạo); có chiều ngang 3,8m (tính từ ranh của bà T qua), chiều dài 28m. Sau khi ông H chết, bà N được hưởng và đã sử dụng cất nhà ở từ đó đến nay.

Năm 2014 giữa bà N và ông K xảy ra tranh chấp ranh đất, nhưng hai bên tự thoả thuận và bà N được cấp quyền sử dụng đất thửa 43 của một phần diện tích sử dụng là 81m². Vị trí giáp với đường Nguyễn Chí Th, giáp với thửa 43 của bà N qua thửa 44 của ông Lâm Văn K là 3,77m; mặt sau là 1,64m. Phần còn lại chưa được cấp quyền sử dụng đất là một phần thửa 71 có chiều ngang mặt giáp với diện tích đã được cấp giấy hiện còn là 1,6m, mặt 2,2m; chiều ngang mặt sau hiện còn là 0,7m, mặt 3,1m; đất chiều dài 28m. Lý do mất đất từ năm 2000 bên ông K đã lấn chiếm sử dụng như: xây chuồng heo, lò rượu.

Nay bà N kiện yêu cầu ông K trả lại quyền sử dụng đất, chiều ngang phần giáp với đất đã được cấp giấy là 2,2m, chiều dài 28m (tính đến chân lộ), chiều ngang của phần giáp đường Trần Hưng Đạo là 2,58m (Theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/01/2018), ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn ông Lâm Văn K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Hoàng T do anh T đại diện trình bày:*

Ông Lâm Văn K với bà Cao Thị N có đất giáp ranh với nhau. Đất ông K có nguồn gốc là do ông K khai phá, đào hầm sử dụng từ năm 1986 -1987 đến nay. Đất ông K có chiều ngang 25m, chiều dài 28m; còn đất của bà N là bà mới mua lại của ông Nguyễn Quang S vào năm 2014, hiện nay hai bên cũng chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đây tháng 6/2007 ông S làm đơn xin san lấp đất và được Ủy ban nhân dân thị trấn xác nhận (lúc này ông S chưa chuyển nhượng cho bà N); đến năm 2014 đã xảy ra tranh chấp giữa bà N với ông S và ông K. Ban nhân dân ấp có mời ba người đến để giải quyết nhưng chưa đủ điều kiện nên không hòa giải. Ranh đất giữa hai bên trước đến nay là đường thẳng, tính từ mặt ngoài của vách lò rệu của ông K thẳng đến trụ đá mà ông K và ông S thống nhất đã trồng cây làm ranh, hiện trụ đá vẫn còn. Gần đây bà N tranh chấp đất cho rằng: cả bờ hầm và một phần lòng hầm; lò rệu ông K xây dựng vào năm 2000; chuồng heo xây dựng vào khoảng 1996-1997, cây của ông K trồng vào khoảng 1996 là thuộc đất của bà N, đo qua khỏi vách lò rệu của ông K là 2,2m, phía ngoài qua khỏi trụ đá mà ông K với ông S trồng làm ranh là 3,1m, chiều dài là 28m.

Diện tích đất tranh chấp được Ủy ban nhân dân thị trấn Tràm Chim tổ chức đo đạc khi có đơn yêu cầu của bà N đo vào ngày 18/3/2015 (có biên bản) và hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Bà N tiếp tục khiếu nại sau khi Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông giải quyết thì bà N rút đơn khiếu nại. Sau đó bà N vẫn cho rằng đất của bà qua khỏi bờ hầm của ông K, theo sơ đồ đo đạc ngày 18/3/2015 là từ điểm 01 đến điểm 15 chứ không phải điểm số 09.

Nay bà N cho rằng ông K lấn ranh đất và bà yêu cầu trả lại diện tích chiều ngang phần giáp với đất đã được cấp giấy là 2,2m, chiều dài 28m (tính đến chân lộ), chiều ngang của phần giáp đường Trần Hưng Đạo là 2,58m (Theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/01/2018), thì ông K không đồng ý theo yêu cầu vì không lấn ranh đất như bà N trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Thanh T trình bày:

Việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa mẹ anh là bà Cao Thị N với ông Lâm Văn K, anh không ý kiến. Bà N quyết định thế nào, anh cũng thống nhất; ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị C trình bày:

Việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa mẹ chồng tôi là bà Cao Thị N với ông Lâm Văn K; chị C không ý kiến. Bà N quyết định thế nào thì chị thống nhất; ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thúy H trình bày:

Việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa chồng tôi là ông Lâm Văn K với bà Cao Thị N. Ông K quyết định thế nào thì bà cũng thống nhất; ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị H trình bày:

Việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa cha chồng tôi là ông Lâm Văn K với bà Cao Thị N, chị H không ý kiến. Ông K quyết định thế nào thì chị cũng thống nhất theo ý kiến; ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị U': Có đơn xin vắng mặt và không có ý kiến.

Bản án dân sự sơ thẩm số /2019/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị N đối với ông Lâm Văn K về việc xác định lại ranh đất.

2. Ranh đất giữa bà Cao Thị N và ông Lâm Văn K được xác định cụ thể như sau:

- Hướng Bắc: Giáp đất ông Lâm Văn K thửa 92, tại mốc số 9 đến điểm A (vách ngoài chuồng heo) có cạnh dài 8,13m. Từ điểm A đến mốc 2 (trụ đá) có cạnh là 13,42m là ranh đất giữa hai bên.

- Hướng Nam: Giáp đường Trần Hưng Đạo lấy từ mốc 2(trụ đá) là ranh đất giữa hai bên.

Theo sơ đồ đo đạc ngày 24/01/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/01/2018 của Tòa án.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa các bên được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất.

Cây cối, tài sản, vật kiến trúc của bên nào lấn chiếm ranh đất, phải có nghĩa vụ đốn bỏ, tháo dỡ, di dời theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền sử dụng đất giữa các bên (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/01/2018).

3. Bà Cao Thị N phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.638.000đ (Ba triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng), ông K đã tạm ứng trước nên bà Cao Thị N có trách nhiệm giao lại cho ông Lâm Văn K.

4. Bà Cao Thị N và ông Lâm Văn K được đến cơ quan có thẩm quyền để được đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Cao Thị N phải nộp số tiền 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng do bà N là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên bà được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm ông K kháng cáo yêu cầu ranh đất giữa bà N với ông là đường thẳng nối từ mốc số 9 (vách ngoài lò rượ) đến mốc số 2 (trụ đá) không đi qua điểm A. Vì điểm A là cạnh chuồng heo của ông K xây dựng bên ngoài còn có hàng cột gỗ chuồng heo, nóc tol mà ông đã xây

dựng một phần bờ hãm và cây cối của ông trồng. Bà N đã xây dựng hàng rào B40 trong thời gian tranh chấp cặp vào vách chuồng heo của ông K nhưng bà N không yêu cầu lấy cạnh chuồng heo làm điểm nối.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T và bà T có mặt và khẳng định đã xuất trình thêm đầy đủ chứng cứ cho Tòa án giải quyết vụ án.

Anh T trình bày ranh đất tranh chấp trước đây đã được thể hiện trong biên bản xác định hiện trạng đất tranh chấp, sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 18/3/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn Tràm Chim nên nay anh T yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông K xác định ranh đất là đường thẳng nối từ mốc 2 đến mốc 9 vì các bên không yêu cầu tranh chấp xác định ranh tại điểm A tranh chấp được tuyên.

Bà T không đồng ý với yêu cầu của anh T thống nhất với bản án sơ thẩm. Ranh đất đã được xác định như hiện trạng sử dụng và bà N có làm hàng rào B40, ông K đều biết và không phát sinh tranh chấp. Bà yêu cầu giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của hai bên như bản án sơ thẩm xác định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, thực hiện đúng theo quy định pháp luật; chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm; về án phí phúc thẩm thì đề nghị tuyên theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung các đương sự tranh chấp: ông K yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà N với ông là đường thẳng nối từ mốc 2 đến mốc 9. Đất tranh chấp thuộc thửa số 71, tờ bản đồ số 30, diện tích 738m² hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất thửa 71 giáp với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30, diện tích 81m², do bà N đứng tên QSD được cấp vào ngày 18/11/2014 (được cấp đổi từ bản đồ 299 là thửa 3035, tờ bản đồ số 2).

[2] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Xét yêu cầu của bà N đối với ông K về việc cho rằng ông K lấn ranh đất là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì nguồn gốc đất do bà N từ cha mẹ bà cho bà, diện tích hiện bà đang sử dụng phần giáp với đường Nguyễn Chí Thanh có chiều ngang 3,8m, giáp với đất ông K, hiện bà N đang sử dụng (cát nhà ở). Chiều ngang phía sau (giáp với thửa 71, diện tích đất này bà N đã tự nguyện thoả thuận với ông K và đã được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) là 1,64m. Phần còn lại (thửa 71) Nhà nước quản lý, bà N không sử dụng mà ông K sử dụng từ năm 1986 để nuôi cá, trồng cây, xây chuồng heo, lò rượ và phía giáp đường Trần Hưng Đạo thì ông K có trồng trụ đá làm ranh. Nay bà N cho rằng đất của bà có chiều ngang hai mặt trước, sau đều là 3,8m nên bà yêu cầu xác định ranh từ mốc 2 (trụ đá) qua mốc 3 là 2,58m; từ mốc 9 qua lò rượ của ông K là 1,86m là không có cơ sở.

Anh T xác định ranh đất giữa ông K với bà N nối dài từ vách lò rượ của ông K ra đến trụ đá có chiều dài 28m; chiều ngang mặt trước giáp đất đã được cấp giấy là 2,2m, chiều ngang mặt sau (tính từ trụ đá qua) là 3,1m. Năm 1986, ông K đào hầm nuôi cá, đến năm 1996 xây chuồng heo, đến năm 2000 xây dựng lò rượ và sử dụng ổn định cho đến nay. Xét lời trình bày của ông K là có căn cứ vì từ năm 1986 ông K đã sử dụng, xây chuồng heo, lò rượ bà N đều biết, nhưng bà không có ý kiến hay tranh chấp gì đối với ông K, đến năm 2014 bà N mới tranh chấp ranh đất với ông K. Như vậy, ranh đất giữa bà N và ông K đúng như hiện trạng mà bà N, ông K đã sử dụng từ trước đến nay. Theo sơ đồ đo đạc ngày 24/01/2018 chiều dài của phần đất tranh chấp là 21,55m, phần còn lại là hành lang lộ giới do đó không chấp nhận yêu cầu của bà N, ông K.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm ông K không đồng ý kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu của ông là xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà N với ông là đường thẳng nối từ mốc 2 đến mốc 9, không đo qua điểm A (góc chuồng heo).

[4] Xét kháng cáo của ông K: Vụ án trước đây tranh chấp là do bà N tranh chấp trước và yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn Tràm Chim giải quyết. Theo biên bản xác định hiện trạng đất tranh chấp ngày 18/3/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn Tràm Chim. Sau đó ngày 18/11/2017 ông K khởi kiện vụ án đến Tòa án yêu cầu xác định ranh đất với bà N là đường thẳng nối dài từ vách lò rượ của ông K (mốc 9) ra đến trụ đá (mốc 16), chiều dài là khoảng 28m. Trong quá trình Tòa án giải quyết ông K rút đơn khởi kiện; bà N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu xác định ranh đất tại các mốc 10 đến mốc số 15 theo sơ đồ đo đất tranh chấp ngày 18/3/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn Tràm Chim nên Tòa án xác định bà N là nguyên đơn; ông K là bị đơn vụ án và quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu xác định rang đất theo đo đạc ngày 21/8/2018 là vị trí tại mốc 8 và mốc 3 có chiều dài là 21,85m.

[5] Mặt khác ngoài nhận định Tòa án cấp sơ thẩm xét thửa đất tranh chấp là 71 có ranh đất giáp thửa đất 93 thì thửa đất 93 bà N đã được Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cấp giấy chứng nhận ngày 18/11/2014 thì tại mốc 9 qua mốc 10 có chiều ngang là 1,64m; qua đo đạc hiện tại đất tranh chấp chỉ còn là chiều ngang 1,51m. Bà N bị mất đất là 1,3cm nhưng do bà N không có tranh chấp phần đất này nên không xem xét giải quyết trong vụ án. Tại biên

bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp ngày 15/01/2015 đã ghi nhận bà N xây dựng hàng rào lưới B40 cặp ranh đất đã có trước khi tranh chấp chiều dài là 18,5m; còn hàng rào cặp chuồng heo mới xây dựng dài 8m phát sinh trong thời gian tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T cũng thừa nhận vị trí ranh đất anh xây chuồng heo phần hàng rào B40 này bà N xây dựng trên phần đất nền do bà N sang lấp cát trước đó. Hai bên thống nhất tại mốc 2 và mốc 9 không có tranh chấp. Nhưng tại mốc A, ông K không đồng ý vì cho rằng không có ai yêu cầu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Qua thẩm vấn tại phiên tòa xác định nếu không xác định mốc A mà lấy ranh đất là đường thẳng nối từ mốc 2 đến mốc 9 thì sẽ lấy qua phần đất bà N đang quản lý sử dụng và nếu chấp nhận ranh đất này cũng là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K nhưng ông đã rút đơn khởi kiện. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã giữ nguyên hiện trạng ranh đất giữa hai bên sử dụng từ trước đến nay là có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

[6] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị y án sơ thẩm là phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định y án sơ thẩm; tuy nhiên để dễ hiểu và thuận lợi việc thi hành án nên sửa nội dung về cách tuyên án. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông K không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nhưng do ông K là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147,148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 175 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 203 Luật đất đai 2013;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Văn K.

1/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị N.

2/ Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà Cao Thị N với ông Lâm Văn K thửa đất số 71 là đường thẳng nối từ qua các mốc số 9 đến điểm A (vách ngoài chuồng heo, có cạnh dài 8,13m) đến mốc 2 (trụ đá, có cạnh là 13,42m) là ranh đất giữa hai bên. Đất tại khóm 1, thị trấn T, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 24/01/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/01/2018)

Bà Cao Thị N và ông Lâm Văn K có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3/ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Buộc bà Cao Thị N có trách nhiệm trả cho ông Lâm Văn K số tiền 3.638.000 đồng.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị N phải nộp số tiền 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng do bà N là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên bà được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lâm Văn K được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Chí Tâm